TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01 /2018/HS-ST
Ngày 19-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Huyên;

Ông Phạm Khánh Quân;

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Vụ – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2017/TLST – HS ngày 30-11-2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 04-01-2018 đối với các bị cáo:

1. Thao H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992 tại Kon Tum. Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở: Không ổn định; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: KDong; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thao Th và bà Y Th; Sống chung như vợ chồng với chị Y X và có 02 con chung, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Về nhân thân: Năm 2008 bị Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum quyết định đưa vào trường giáo dưỡng hai năm về hành vi "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong quyết định này vào ngày 28/7/2010. Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 20/9/2017 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2.**Trần Văn Th**; Tên gọi khác: Không ; Sinh năm 1995 tại tỉnh Tuyên Quang. Nơi ĐKHKTT: Thôn E, xã Ph, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở:

Không ổn định; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Ch(đã chết) và bà Bàn Thị L; Sống chung như vợ chồng với chị Y B và có 01 con chung sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 263/QĐ-XPVPHC ngày 02/8/2016 của Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) về hành vi "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong quyết định này vào ngày 17/4/2017; Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 18/9/2017 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

+/ Bà Y L; Sinh năm 1945; Trú tại: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt.

+/Anh Hoàng Thái S, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn M, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+/ Chị Hoàng Thị D; Sinh năm 1992; Trú tại: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Anh A H; Sinh năm 1992; Trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Anh Lê Trọng L; Sinh năm 1985; Trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Có mặt

+/Ông Lê Ngọc H; Sinh năm 1967; Trú tại: Thôn M, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Anh Thao L; Sinh năm 1993; Trú tại: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Anh Vi Ngọc G; Sinh năm 1985; Trú tại: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Chị Y A; Sinh năm 1985; Trú tại: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt

- Người phiên dịch cho bà Y L: Ông A Đ; Trú tại: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt

-Những người làm chứng: Anh A N; Anh Thao Tr; Bà Y K;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 25/7/2017 Thao H điều khiển xe mô tô Dream chở Trần Văn Th đi theo đường tuần tra biên giới từ cửa khẩu B đi về huyện Đ để làm gỗ. Trên đường đi Th nảy sinh ý định trộm xe mô tô nên nói với H tìm xe mô tô trộm cắp làm phương tiện đi lại. H biết chỗ người dân đi làm hay giấu xe mô tô nên đồng ý. Khi cả hai điều khiển xe qua Đồn biên phòng X thuộc địa bàn xã Đ, huyện N khoảng 3km thì H dừng xe, đi bộ vào bụi đót bên đường thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Jupiter, biển kiểm soát 82E1-015.81 của anh Hoàng Thái S đang để tại đây để đi vào rừng đào dúi. Thấy xe không có người trông coi, xung quanh vắng vẻ, H và Th tìm cách lấy trộm. H và Th đem xe Dream đang đi cất giấu cách đó khoảng 100m rồi đi bộ đến vị trí chiếc xe biển kiểm soát 82E1-015.81. Đến nơi, H thò tay vào yên xe lấy được giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Thị D, giấy phép lái xe và một số giấy tờ. Cả hai tháo dây ổ khóa điện nối vào nhau thì nổ được máy nhưng không mở được khóa cổ xe. Th dùng dao cắt mặt nạ ở đầu xe để phá khóa cổ nhưng không được, thấy vậy, H dùng một cục đá nặng khoảng 5kg rồi dùng cả hai tay đập mạnh vào ổ khóa thì phá được khóa cổ. Sau đó Th điều khiển xe lấy được, còn H điều khiển xe Dream, cả hai đi về hướng huyện Đ, trên đường đi H giấu giấy tờ của xe mô tô trộm được vào bụi cỏ bên đường rồi tiếp tục ghé vào một tiệm sửa xe máy, mượn dụng cụ tháo yếm xe vứt đi. Sau đó, H dẫn Th đến nhà A H ở thôn Đ, xã M ăn cơm ở đây. Tại đây H đã nói dối A H đi làm gỗ bị chính quyền Lào bắt xe và máy cưa nên cần cắm xe biển kiểm soát 82E1-015.81 để lấy tiền chuộc lại. Sau đó, A H đã dẫn H mang xe đến cầm cố cho Lê Trọng L được 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). H đưa cho A H 100.000đ (*Một trăm ngàn đồng*), H và Th chia nhau mỗi người 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), còn lại 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*) H và Th cùng tiêu xài chung hết số tiền này.

Tại bản kết luận định giá số 155/KLHĐ ngày 04/8/2017 của Hội đồng định giá, xác định giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82E1-015.81 là 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm ngàn đồng*).

Quá trình điều tra mở rộng, cơ quan điều tra còn xác định được sau khi thực hiện vụ trộm cắp trên Thao H còn thực hiện vụ cướp tài sản vào ngày 05/8/2017, như sau:

Thao H có quan hệ họ hàng với bà Y L nên thỉnh thoảng có qua nhà bà Y L chơi, biết bà Y L có đeo đôi bông tai bằng vàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng 17 giờ ngày 05/8/2017 Thao H rủ Thao Th người cùng thôn đến nhà Thao

Tr gần nhà bà Y L lấy hoa phong lan nhưng mục đich là để H quan sát đôi bông tai của bà Y L có còn đeo hay không, xem xong cả hai cùng về. Khoảng 19 giờ cùng ngày, H rủ bạn là Thao L, Thao Th, Nguyễn Thị Vân Tr, Vi Ngọc G và người bạn tên Tr đi uống bia và nghe nhạc tại quán cà phê C, thuộc thôn Đ, xã B. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày do không đủ trả tiền cho quán và sẵn có ý định chiếm đoạt đôi bông tai của bà Y L nên H mượn xe mô tô của Thao L đi đến nhà bà Y L, khi cách nhà bà Y L khoảng 150m H dừng xe, đi bộ đến nhà bà Y L. Quan sát thấy điện trong nhà còn sáng nên H dùng tay kéo mạnh sợi dây điện làm vỡ bóng đèn trong nhà. Sau đó, H đi lại tháo bao tải bịt lỗ thủng trên cánh cửa chính rồi thò tay vào trong để tháo sợi dây buộc cánh cửa chính. Sau đó, H dùng khẩu trang đeo vào mặt, dùng điện thoại có chức năng bật đèn pin soi đi vào nhà. H vào phòng ngủ thấy bà Y L đang ngủ trên giường nên lén lút cầm vào chiếc bông tai bên tai phải của bà Y L định tháo thì bị bà Y L tỉnh dậy phát hiện, H liền dùng tay giật mạnh thì chiếc bông tai tuột ra nên lấy được. Bà Y L chồm người ngồi dậy thì H tiếp tục dùng tay giật mạnh chiếc bông tai bên trái làm đứt dái tai của bà Y L và lấy được chiếc bông tai thứ hai. Bị bất ngờ bà L la lớn bằng tiếng Kdong, ý bà la "*con nhà ai vào ăn trộm, con nhà ai vào ăn trộm",* đồng thời dùng hai tay giằng co túm áo, làm rơi chiếc khẩu trang mà H đang đeo. Bị bà L giữ, H dùng tay phải đấm vào mặt và vai bà L đồng thời giật mạnh người về sau chạy thoát ra ngoài bằng cửa chính. Khi ra đến cửa thấy có người đuổi theo nên H chạy dọc mương nước đến vị trí xe mô tô, nhưng do bị đuổi gần kịp nên H bỏ lại xe mô tô rồi trốn trong bụi cây gần đó. Một lúc sau không thấy ai tìm nên H đi bộ về nhà bố mẹ nằm ngủ. Khoảng 6 giờ sáng ngày 06/8/2017 H quay lại tìm xe mô tô nhưng không thấy nên đón xe bỏ trốn về nhà chị Y X. Sau đó, H mang đôi bông tai cướp được bán cho ông Lê Ngọc H ở thôn S, thị trấn Đ được 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) và đã tiêu xài hết số tiền này.

Tại bản kết luận định giá số 161/KLHĐ ngày 11/8/2017 của Hội đồng định giá xác định đôi bông có giá 3.666.000đ (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*.

Đối với hành vi gây thương tích cho bà Y L, theo bản kết luận giám định pháp y số 136/TgT-TTPY ngày 09/11/2017 của Trung tâm pháp y Kon Tum kết luận: Thương tật chính qua giám định là sẹo đứt dái tai bên trái + đuôi mắt bên trái có vết xây xát da với tỷ lệ thương tật là 03% (*Ba phần trăm*).

Tại bản cáo trạng số: 37/KSĐT-TA ngày 29 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Thao H về tội: "*Cướp tài sản*" theo khoản 1 Điều 133 và tội "*trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Trần Văn Th về tội: "*trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 133, khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Thao H, xử phạt Thao H từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Cướp tài sản*"; Phạt từ 06 tháng đến 09 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm h,p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Trần Văn Th, xử phạt Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù; Về xử lý vật chứng đề nghị trả số tiền 100.000đ cho anh Lê Trọng L; Đề nghị công nhận sự thỏa thuận về dân sự giữa bà Y L với Thao H về việc bồi thường thiệt hại tài sản và thiệt hại sức khỏe. Công nhận thỏa thuận giữa Thao H, Trần Văn Th với anh Lê Trọng L và anh Hoàng Thái S về hoàn trả số tiền đã nhận và chi phí sửa chữa tài sản. Đề nghị buộc Thao H và Trần Văn Th phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

- Tại phiên tòa các bị cáo Thao H, Trần Văn Th thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Viện kiểm sát truy tố.

- Người bị hại là anh Hoàng Thái S đã nhận lại tài sản, yêu cầu các bị cáo bồi thường 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm ngàn đồng*) tiền sửa chữa xe mô tô, các bị cáo chấp nhận khoản bồi thường này; Tại phiên tòa bà Y L và bị cáo Thao H đã thỏa thuận được trách nhiệm bồi thường đôi bông tai 3.666.000đ (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*) và bồi thường thiệt hại sức khỏe là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh A H, anh Lê Trọng L, ông Lê Ngọc H, anh Vi Ngọc G, anh Thao L đều có ý kiến trình bày không biết việc giúp cầm cố tài sản, mua tài sản là do trộm cắp mà có, không biết việc cho mượn tài sản để dùng vào việc phạm tội. Chị Hoàng Thị D đồng ý với việc cơ quan điều tra đã xử lý trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82E1-015.81 có giấy tờ đứng tên chị cho anh Hoàng Thái S là người quản lý, sử dụng hợp pháp. Chị Y A đồng ý để Thao H trả số tiền ngày công lao động của chị trong thời gian chăm sóc bà Y L,

cho bà Y L là người nhận. Anh Lê Trọng L yêu cầu các bị cáo hoàn trả cho anh số tiền 2.900.000đ (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*) trong việc cầm cố tài sản, được các bị cáo chấp nhận.

- Những người làm chứng: Anh A N, anh Thao Tr khai sau khi nghe tiếng kêu của bà Y L có chạy đuổi theo Thao H nhưng không đuổi kịp. Bà Y K khai có biết H đi tìm chiếc xe mô tô, H đã mượn của Thao L đến nhà bà Y L để cướp tài sản.

-Lời nói sau cùng của các bị cáo:

+/Bị cáo Thao H: Ăn năn, hối lỗi, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh khó khăn của bị cáo, vợ con ở xa, con còn nhỏ, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo xin lỗi người bị hại và hứa không phạm tội nữa.

+/Bị cáo Trần Văn Th: Ăn năn, hối lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với vợ con và gia đình. Bị cáo hứa sau này không phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Thao H và Trần Văn Th đều là những đối tượng không có công việc ổn định. Vì muốn có phương tiện đi lại và muốn có tiền tiêu sài cho cá nhân. Khoảng 8 giờ ngày 25/7/2017, H và Th đã lợi dụng sơ hở của anh Hoàng Thái S trong việc để và trông nom tài sản, các bị cáo đã có hành vi lén lút đến nơi anh S để xe mô tô, phá ổ khóa điện và khóa cổ lấy đi chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82E1-015.81.Giá trị chiếc xe mô tô theo Hội đồng định giá xác định là 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*). Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản, đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1

Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Có mức khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Tiếp theo vào khoảng 21 giờ 30 phút Thao H đã có hành vi, lúc đầu H lén lút đột nhập vào nhà bà Y L, lợi dụng lúc đêm tối, lúc bà Y L đang ngủ để tháo trộm đôi bông tai bà Y L đang đeo. Đang thực hiện hành vi tháo trộm thì bị bà Y L tỉnh giấc, phát giác. Liền lúc này H giật mạnh lấy được chiếc bông tai bên phải; Bà Y L chồm người ngồi dậy thì H giật tiếp làm đứt dái tai bên trái, lấy được chiếc bông tai bên trái; Khi bà Y L vừa la lớn, vừa tóm được cổ áo H, thì H đã ngay tức khắc tấn công bà Y L, thể hiện dùng tay phải đấm vào mặt bà Y L và đấm vào vai bà Y L, mục đích để bà Y L không lấy lại được tài sản, còn H giật mạnh người lùi lại thoát khỏi sự tóm giữ của bà L và chạy thoát ra ngoài. Như vậy hành vi của H đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác và được chuyển hóa từ hành vi "*trộm cắp tài sản*" sang hành vi "*Cướp tài sản*"; Giá trị đôi bông tai theo Hội đồng định giá xác định là 3.666.000đ (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*). Hành vi của H là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ rất nghiêm trọng, đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999; Có mức khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

[4] Như vậy có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố theo các tội danh nhận định trên là đúng người, đúng tội.

[5] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh A H giúp cầm cố xe máy, anh Lê Trọng L nhận cầm cố xe, ông Lê Ngọc H mua đôi bông tai, đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có; Anh Vi Ngọc G và anh Thao L cho H mượn xe mô tô không biết H đã dùng làm phương tiện để đi trộm cắp và cướp tài sản. Nên những người này không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[6] Xét tính chất đồng phạm giữa hai bị cáo trong vụ "*Trộm cắp tài sản*": Sự đồng phạm ở mức độ giản đơn. Th là người khởi xướng, còn H là người tích cực thực hiện và dẫn dắt cầm cố xe để lấy tiền. Vì vậy hành vi của H và Th có tính nguy hiểm tương đương với nhau.

[7] Thực hiện theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi của các bị cáo so với điều khoản tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015: Đối với tội "*Trộm cắp tài sản*" thì H và Th phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, có mức khung hình phạt

tương đương quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Đối với tội "*Cướp tài sản*" H phạm vào điểm e "*Phạm tội đối với người già yếu*" theo khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự, có mức khung hình phạt nặng hơn so với khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tại thời điểm xét xử Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo sảy ra trước khi Bộ luật hình sự mới có hiệu lực. Điều, khoản luật mới, kể cả tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ không có lợi hơn cho các bị cáo nên áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt các bị cáo.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: H thực hiện hành vi "*Cướp tài sản*" đối với bà Y L là phạm tội đối với người già (bà L 72 tuổi), nên H phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với H và Th ở tội "Trộm cắp tài sản". Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử, các bị cáo luôn "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", nên cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra Th "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", nên Th được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[9]Thấy trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân không tốt: H đã buộc phải đưa vào trường giáo dưỡng hai năm về hành vi trộm cắp tài sản; H phạm hai tội, trong đó tội "Cướp tài sản" ở mức rất nghiêm trọng; Đối với Th đã bị một tiền sự về hành vi "Cố ý gây thương tích", chưa được xóa tiền sự. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo, những người bị hại, người liên quan đã xác định rõ trách nhiệm bồi thường: Thao H bồi thường cho bà Y L giá trị đôi bông tai đã bán cho ông H, ông H đã tái tạo thành sản phẩm khác, không còn nguyên vẹn để thu hồi, theo giá Hội đồng định giá xác định là 3.666.000đ (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) và bồi thường thiệt hại sức khỏe 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Mỗi bị cáo hoàn trả cho anh Lê Trọng L 1.450.000đ (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*); Thời gian trả tiền cho bà L và anh L vào ngày 20/02/2018. Mỗi bị cáo bồi thường cho anh Hoàng Thái S 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) tiền sửa chữa xe mô tô, thời gian bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật. Các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự phải chịu lãi 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện.

Xét thấy các nội dung thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, được Hội đồng công nhận theo Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589, Điều 590, Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[11] Về xử lý vật chứng: Anh Hoàng Thái S, anh Vi Ngọc G, anh Thao L đã nhận lại xe mô tô cho H mượn và xe mô tô H và Th lấy trộm, không ai có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với chiếc điện thoại H dùng trong vụ cướp tài sản không thu hồi được, vì khi cãi nhau với chị Y X, H đã đập bể và vứt đi chiếc điện thoại này. Đối với số tiền 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) anh A H nộp lại, số tiền này H đưa cho anh A H trong việc giúp H cầm cố xe mô tô. Tiền này thực ra là của anh Lê Trọng L, cần tuyên trả cho anh L số tiền này theo điểm a khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

[12]Về án phí: Các bị cáo đều phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 133 ; Điểm h khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Thao H về tội "Cướp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Thao H về tội "Trộm cắp tài sản"; Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội;

-Áp dụng khoản 1 Điều 138; Các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Trần Văn Th về tội "Trộm cắp tài sản";

-Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589, Điều 590, Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với Thao H và Trần Văn Th về trách nhiệm dân sự;

-Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

-Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1.**Tuyên bố:** Thao H phạm tội "*Cướp tài sản*". Thao H, Trần Văn Th phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

+/Xử phạt Thao H 03 (Ba) năm tù về tội "*Cướp tài sản*"; 09 (chín) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Tổng hợp hình phạt của hai tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù;Thời gian tù tính từ ngày Thao H bị bắt tạm giữ, tạm giam (20/9/2017).

+/ Xử phạt Trần Văn Th 07 (bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Thời gian tù tính từ ngày Trần Văn Th bị bắt tạm giữ, tạm giam (18/9/2017).

2.**Về trách nhiệm dân sự**: Công nhận sự thỏa thuận giữa Thao H với bà Y L: Thao H, Trần Văn Th với anh Lê Trọng L, anh Hoàng Thái S:

Thao H bồi thường cho bà Y L giá trị đôi bông tai là 3.666.000đ (*Ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) và bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bà L là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), tổng cộng 28.666.000đ (*Hai mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Mỗi bị cáo hoàn trả cho anh Lê Trọng L 1.450.000đ (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*);

Thời gian trả tiền cho bà L và anh L vào ngày 20/02/2018.

Mỗi bị cáo bồi thường cho anh Hoàng Thái S 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*), thời gian trả tiền cho anh S khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trên thì phải trả lãi 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện.

3.**Về xử lý vật chứng**: Trả lại cho anh Lê Trọng L số tiền 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số:AA/2010/0005872, ngày 20/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

4.**Về án phí**: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; Về án phí dân sự sơ thẩm: Thao H phải nộp 1.560.000đ (*Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*), Trần Văn Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước.

5. **Về quyền kháng cáo**: Các bị cáo, bà Y L, có quyền kháng cáo bản án; Anh Lê Trọng L, chị Y A có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19-01-2018). Anh Hoàng Thái S có quyền kháng cáo bản án; Chị Hoàng Thị D, anh A H, ông Lê Ngọc H, anh Thao L, anh Vi Ngọc G có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; Những người bị hại;
-Những người liên quan
- VKSND huyện; tỉnh
-Cơ quan điều tra cấp huyện
-Cơ quan THAHS cấp huyện
-Chi cục THADS cấp huyện
-Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo